

Số: 1049 /TB-TTĐLCL

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện đấu giá tài sản thanh lý
của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông**

Kính gửi: Các đơn vị có chức năng tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-BKHCN ngày 04/06/2025 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ ban hành Quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ Quyết định số 2246/QĐ-BKHCN ngày 18/08/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông trực thuộc Cục Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-TTĐLCL ngày 18/05/2026 của Cục trưởng Cục Viễn thông về việc thanh lý tài sản năm 2026 tại Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-TTĐLCL ngày 14/07/2026 của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông về việc phê duyệt giá khởi điểm bán thanh lý tài sản công đợt 2 năm 2026.

Để triển khai thực hiện thanh lý các tài sản có nguyên giá trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông theo Quyết định số

156/QĐ-CVT ngày 18/05/2026 của Cục trưởng Cục Viễn thông, Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông có nhu cầu tổ chức đấu giá lô tài sản nói trên, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá.

- Tên đơn vị: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông
- Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội

2. Tên và địa điểm lưu trữ tài sản đấu giá

- Tên tài sản đấu giá: Theo danh mục tại Phụ lục I kèm theo.
- Địa điểm lưu trữ tài sản (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo):
 - + Trụ sở: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông, tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội
 - + Chi nhánh Miền Trung: Số 42 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, Đà Nẵng
- Giá bán khởi điểm: 196.725.000 đồng gồm:
 - + Lô 1: Ô tô: 195.000.000 đồng
 - + Lô 2: Máy móc, thiết bị chuyên dùng: 1.725.000 đồng

3. Phương thức đấu giá: Có tách lẻ (bán riêng từng phần theo lô)

4. Thời điểm, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

a) Thời gian nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo (trong giờ hành chính)

b) Địa điểm nộp hồ sơ, nộp trực tiếp *(Khi đi nộp hồ sơ có giấy giới thiệu của tổ chức, công ty)*

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông, tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.

5. Các quy định có liên quan khác

a) Không hoàn trả hồ sơ cho tổ chức đấu giá.

b) Trường hợp tổng số điểm của các đơn vị tham gia bằng nhau, đơn vị có tài sản sẽ xem xét và quyết định lựa chọn một đơn vị có mức thù lao và chi phí thấp nhất để tổ chức cuộc đấu giá.

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông kính mời đơn vị có chức năng theo quy định tham gia thực hiện tổ chức đấu giá đối với lô tài sản thanh lý nói trên. Nếu đồng ý, đề nghị đơn vị nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá và Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản *(tại Phụ lục II kèm theo)* cho

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông **trong thời gian từ 17/07/2026 đến 21/07/2026** theo quy định.

Chi tiết vui lòng liên hệ: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông, Tầng 7, 26 tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Số điện thoại: 0243 943 6608.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- CNMT (đăng tải cổng thông tin điện tử <https://tqc.gov.vn>);
- Cổng đấu giá tài sản quốc gia <https://dgts.moj.gov.vn/>;
- PCT Nguyễn Anh Cường (để b/c);
- Lưu: VT, HCTH.



GIÁM ĐỐC

Hồ Đức Lượng

PHỤ LỤC I
CHI TIẾT DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ

STT	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá khởi điểm	Địa điểm quản lý tài sản
I	Lô số 1: Phương tiện vận tải								
1	ĐLCL.1015	Xe ô tô Toyota Fotuner Biển kiểm soát 29A-000.08	Cái	1	2011	1.060.299.000	0	195.000.000	Hà Nội
II	Lô số 2 : Máy móc, thiết bị chuyên dụng								
1	ĐLCL.1021	Hệ thống kiểm tra chất lượng mạng lưới và dịch vụ mạng PSTN bằng công nghệ đo mô phỏng thiết bị đầu cuối- Opticom OPERA Voice Quality Tester OP101ESQ.	Hệ thống	1	2008	1.022.949.417	0	78.000	Hà Nội
2	ĐLCL.1024	Hệ thống đo kiểm trạm gốc	Hệ thống	1	2008	3.065.326.158	0	260.000	Hà Nội
3	ĐLCL.1025	Hệ thống đo truyền dẫn- Acterna Advanced Network Tester ANT-20SE	Hệ thống	1	2008	2.403.178.152	0	130.000	Hà Nội
4	ĐLCL.1026	Hệ thống kiểm tra chất lượng mạng lưới và dịch vụ mạng PSTN bằng công nghệ mô phỏng thiết bị đầu cuối (nâng cấp)- Ameritec Analog Call Generator Fortissimo	Hệ thống	1	2008	1.281.986.127	0	104.000	Hà Nội
5	ĐLCL.1029	Hệ thống đo thiết bị đầu cuối không dây	Hệ thống	1	2008	2.411.482.005	0	260.000	Hà Nội
6	ĐLCL.1030	Hệ thống đo trạm gốc của mạng di động	Hệ thống	1	2008	1.094.056.212	0	65.000	Hà Nội

STT	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá khởi điểm	Địa điểm quản lý tài sản
7	ĐLCL.1032	Thiết bị phân tích mạng LAN/WAN/ATM-JDSU Data Network Anlyze DA-3600A	Cái	1	2008	2.324.664.117	0	65.000	Hà Nội
8	ĐLCL.1034	Hệ thống mô phỏng cuộc gọi và đo kiểm chất lượng thoại các mạng IP và PSTN- Spirent IP telephony migration test system Abacus 5000	Hệ thống	1	2008	9.700.856.412	0	39.000	Hà Nội
9	ĐLCL.1038	Hệ thống kiểm tra dịch vụ/ giao thức các mạng sử dụng IP/VPN/MPLS/ETHERNET	Hệ thống	1	2008	3.009.532.085	0	130.000	Hà Nội
10	ĐLCL.1040	Hệ thống đo kiểm chất lượng dịch vụ và mạng di động 3G-NEMO OUTDOOR VOICE QUALITY OPTION SYSTEM	Hệ thống	1	2011	6.060.298.834	0	195.000	Hà Nội
11	ĐLCL.1044	Hệ thống phân tích giao thức mạng IP/3G-Protocol Analyzer	Hệ thống	1	2011	9.764.443.593	0	39.000	Hà Nội
12	ĐLCL.1050	Hệ thống đo kiểm chất lượng dịch vụ, mạng băng rộng IP/NGN	Hệ thống	1	2012	19.060.965.316	0	39.000	Hà Nội
13	ĐLCL.1231	Hệ thống kiểm tra chất lượng mạng lưới và dịch vụ mạng GSM bằng công nghệ mô phỏng thiết bị đầu cuối (nâng cấp)- Nemo Technologies Drive Test Tool Nemo Outdoor	Hệ thống	1	2008	911.045.758	0	26.000	Hà Nội
14	ĐLCL.1232	Thiết bị đo các thông số truyền dẫn kênh PCM	Cái	1	2008	845.576.695	0	65.000	Hà Nội
15	ĐLCL.3008	Hệ thống đo kiểm chất lượng dịch vụ mạng di động - Anite Drive Test Tool Nemo Outdoor	Hệ thống	1	2009	3.572.682.299	0	130.000	Đà Nẵng

STT	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá khởi điểm	Địa điểm quản lý tài sản
16	ĐLCL.3010	Hệ thống đo chất lượng vùng phủ sóng TEMS SUPPORT 3G TECHNOLOGY GSM/GPRS/EDGE/wCDMA/HSPA	Hệ thống	1	2012	2.888.666.932	0	100.000	Đà Nẵng
		Cộng				70.478.009.112	0	196.725.000	

PHỤ LỤC II
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Nội dung	Mức tối đa
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0

TT	Nội dung	Mức tối đa
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3,0

TT	Nội dung	Mức tối đa
	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0

TT	Nội dung	Mức tối đa
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính	4,0

TT	Nội dung	Mức tối đa
	của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100